

Bản án số: 83/2020/HS-ST  
Ngày 27 - 9 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Thị Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Bùi Quốc Tuấn.**

**2. Ông Trần Hữu Trung.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Duyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2020/TLST - HS ngày 11 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn T**, sinh ngày 10/11/1992 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Lương Thị Huyền T và 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ từ ngày 12/5/2020 đến ngày 18/5/2020 được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

**2. Nguyễn Đức A**, sinh ngày 10/11/1976 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị V; Có vợ thứ nhất là Lê Thị H (đã ly hôn năm 2016); Vợ thứ hai là Vũ Thị Thủy T; Có 03 con (con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) C, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 10/01/2008; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ từ ngày 12/5/2020 đến ngày 18/5/2020 được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

**3. Đồng Văn Đ**, sinh ngày 21/9/1991 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đồng Văn Đ và bà Nguyễn Thị P; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 12/5/2020, bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

**4. Nguyễn Văn C**, sinh ngày 21/4/1990 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Đồng Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ từ ngày 12/5/2020 đến ngày 18/5/2020 được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

**5. Phạm Văn T**, sinh ngày 13/9/1989 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị V; Có vợ là Phạm Thị M và 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ từ ngày 12/5/2020 đến ngày 18/5/2020 được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

**6. Nguyễn Văn L**, sinh ngày 19/8/1983 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Việt Dân, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị S; Có vợ là Trần Thị Tố L và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2020); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ từ ngày 12/5/2020 đến ngày 18/5/2020 được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

**7. Nguyễn Văn D**, sinh ngày 09/9/1994 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ từ ngày 12/5/2020 đến ngày 18/5/2020 được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Vũ Thị Thủy T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

**- Những người chứng kiến:**

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2/ Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 12/5/2020, sau khi Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T cùng nhau ăn cơm, uống rượu tại nhà T ở thôn T, xã V, thị xã Đ, thì Dương gọi điện cho Nguyễn Đức A ( cùng thôn với T) và rủ mọi người đến nhà Đức A để đánh bạc thì Đức A và mọi người đều đồng ý. Khoảng 30 phút sau T, C, D và Đ đến nhà Đức A trước, T và Nguyễn Văn L đến sau. Tại đây, Đức A bảo Thành lấy kéo và 01 ( một) quân bài tú lơ khơ trong ngăn kéo bàn uống nước để cắt 04 ( bốn) quân bài vị, còn Đức A đi lấy bát, đĩa sứ và trải chiếu xuống phòng khách rồi lấy 04 ( bốn ) quân bài vị cho vào đĩa, úp bát lên đặt trên chiếu để mọi người đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa. Ban đầu chỉ có Đức A, T, C đánh bạc, sau đó T, D, L và Đ cùng tham gia đánh bạc. Các đối tượng quy ước cách thức đánh bạc như sau: Cho 04 ( bốn) quân vị vào đĩa, úp bát sứ lên trên sau đó xóc cái, quy ước là chắn khi có 02 ( hai) quân bài vị hoặc cả 04 ( bốn) quân vị cùng một màu, còn lẻ là khi có 01 ( một) quân vị khác màu với 03 ( ba) quân vị còn lại, sau khi đặt xuống chiếu thì người chơi đặt tiền vào các cửa chắn hoặc lẻ, mỗi lần đặt tối thiểu từ 10.000đ ( mười nghìn đồng) và tối đa đến 200.000đ ( hai trăm nghìn đồng). Sau khi mở bát nếu kết quả là chắn hay lẻ thì người chơi đặt cửa tương ứng thắng sẽ được người xóc cái trả tiền theo tỉ lệ một ăn một, ngược lại người chơi thua thì phải trả số tiền đã đặt cửa cho người xóc cái. Đức A và T là người trực tiếp xóc cái để mọi người đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã Đ phát hiện bắt quả tang. Khi phát hiện thấy lực lượng Công an, Đức A giằng bắt, đĩa, quân vị trên tay T và nhặt ví da của mình ném qua cửa sổ, các bị cáo khác đang ngồi đánh bạc nhặt tiền của mình để dưới chiếu giấu vào người, còn Đ bỏ chạy lên sân thượng định nhảy xuống sau vườn thì bị trượt chân ngã và bị thương ở chân nên phải đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện.

#### *Vật chứng thu giữ:*

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 ( một) chiếu tre, 01 ( một) chiếc kéo; 1.700.000đ ( một triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền của T làm rơi khi cầm từ chiếu bạc cất giấu vào người; 01 ( một) bát sứ; 01 ( một) đĩa sứ và 04 ( bốn) quân bài vị hình tròn ở phía ngoài cửa sổ ra vườn và ao ( do Đức A ném ra trước đó); 01 ( một) ví giả da của Đức A bên trong có 680.000đ ( sáu trăm tám mươi nghìn đồng) và 01 ( một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức A.

Ngoài ra còn thu giữ của Đức A 13.100.000đ ( mười ba triệu một trăm nghìn đồng) và 01 ( một) điện thoại di động Iphone 6; Thu của D 600.000đ ( sáu trăm nghìn đồng), 01 ( một) điện thoại di động Iphone 6 và 01 ( một) xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 14Z1 – 256.14; Thu của L 1.600.000đ ( một triệu sáu trăm nghìn đồng) và 01 ( một) xe mô tô Yamaha, biển kiểm soát 14K8 – 3213; Thu của T 01 ( một) điện thoại Iphone 6S và 01 ( một) xe mô tô Yamaha, biển kiểm soát 14H1

– 8667; Thu của C 600.000đ ( sáu trăm nghìn đồng), 01 ( một) điện thoại Samsung và 01 ( một) xe mô tô Jupiter, biển kiểm soát 14B5 – 008.24; Thu của Đ 1.290.000đ ( một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) và 01 ( một) điện thoại FPT.

Đối với chiếc xe mô tô 14Z1 – 256.14 thu của Nguyễn Văn D, xe mô tô biển kiểm soát 14H1 – 8667 thu của Nguyễn Văn T, xe mô tô biển kiểm soát 14B5 – 008.24 và 01 ( một) chiếc điện thoại di động Samsung thu của Nguyễn Văn C, quá trình điều tra xác định những đồ vật, tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội, ngày 15/7/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu. Riêng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14K8 – 3213, chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: T mang theo số tiền 15.200.000đ ( mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng) sử dụng để đánh bạc; Đức A mang theo số tiền 1.820.000đ ( một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng), sử dụng vào việc đánh bạc 1.140.000đ ( một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng); C mang theo số tiền 800.000đ ( tám trăm nghìn đồng) và vay của T 1.000.000đ ( một triệu đồng) để đánh bạc; T mang theo 500.000đ ( năm trăm nghìn đồng) và vay T 2.000.000đ ( hai triệu đồng) để đánh bạc; D được Đức A cho 50.000đ ( năm mươi nghìn đồng) và vay của T 200.000đ ( hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc; L vay của T 2.000.000đ ( hai triệu đồng) để đánh bạc; Đ được T cho 200.000đ ( hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc và mang theo 1.290.000đ ( một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng không sử dụng vào việc đánh bạc. Đối với thương tích của Đ quá trình điều tra xác định do tự ngã, Đ không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đề cập xử lý.

Bản cáo trạng số 67/CT - VKS - ĐT ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và luận tội có quan điểm: Vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D về tội “Đánh bạc”. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo như sau:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đồng Văn Đ từ 12 tháng



đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

5. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

6. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

7. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng, đề nghị áp dụng: Các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, các điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng như sau:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) chiếu tre; 01 (một ) chiếc kéo; 01( một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ; 04 (bốn) quân bài vị hình tròn.

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 17.600.000đ ( mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S thu của Tịnh; 01 ( một) điện thoại di động Iphone 6 thu của Đức A; 01 ( một) điện thoại FPT thu của Đ; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 thu của D;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức A: 01 (một) ví giả da, 01 ( một) Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức A và số tiền 680.000đ ( sáu trăm tám mươi nghìn đồng); trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 1.290.000đ ( một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo có lời nói sau cùng đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, Kiểm sát

viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*[2] Đánh giá về hành vi của bị cáo theo tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ đã truy tố:*

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D đều có lời khai thể hiện như sau: Trưa ngày 12/5/2020, Đ, D, T, C, T rủ nhau ăn cơm, uống rượu tại nhà T. Sau khi ăn cơm xong thì T đi về trước để giao hàng, còn lại Đ, D, C, T. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Đức A với mục đích rủ mọi người sang nhà Đức A để đánh bạc, Đức A và mọi người đồng ý. Khoảng 30 phút sau, Đ, D, C, T đến nhà Đức A, tại đây Đức A bảo T lấy kéo và một quân tú lơ khơ cắt thành 04 quân bài vị, còn Đức A lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 01 chiếu tre trải giữa nhà để mọi người cùng đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa.

Cách thức chơi như sau: Cho 04 (bốn) quân vị vào đĩa, úp bát sứ lên trên sau đó xóc cái, quy ước là chắn khi có 02 (hai) quân bài vị hoặc cả 04 (bốn) quân vị cùng một màu, còn lẻ là khi có 01 (một) quân vị khác màu với 03 (ba) quân vị còn lại, sau khi đặt xuống chiếu thì người chơi đặt tiền vào các cửa chắn hoặc lẻ, mỗi lần đặt tối thiểu từ 10.000đ (mười nghìn đồng) và tối đa đến 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Sau khi mở bát nêu kết quả là chắn hay lẻ thì người chơi đặt cửa tương ứng thắng sẽ được người xóc cái trả tiền theo tỉ lệ một ăn một, ngược lại người chơi thua thì phải trả số tiền đã đặt cửa cho người xóc cái.

Ban đầu chỉ có Đức A, T, C tham gia đánh bạc, Đức A là người trực tiếp xóc cái. Sau đó T được gọi đến tham gia cùng, một lúc sau L cũng có mặt tại địa điểm đánh bạc. Khi T đến thì Đức A đề cho T là người trực tiếp xóc cái. T mang theo 3.200.000đ trong người, do chơi bị thua nên T ra cốp xe mô tô lấy thêm 12.000.000đ vào chơi tiếp. Trong quá trình chơi, T đã cho C vay 1.000.000đ, cho T vay 2.000.000đ, cho D vay 200.000đ, cho L vay 2.000.000đ; T cho Đ 200.000đ. Việc T cho C, T, D, L vay tiền không lấy lãi và cũng đã được trả lại đầy đủ. Còn Đức A đưa cho D 100.000đ để đi mua thuốc lá, thuốc Lào, D mua về còn thừa tiền đã sử dụng tiền đó vào đánh bạc. Đ không ngồi trực tiếp xuống chiếu để đánh bạc mà đứng nháp nhòm, thỉnh thoảng thả vài ván.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Công an thị xã Đ phát hiện bắt quả tang, thấy vậy T và Đ bỏ chạy theo cầu thang lên sân thượng nhà Đức A, T nhảy xuống ao còn Đ bị trượt chân ngã bị thương phải đưa đi Bệnh viện cấp cứu. Đức A vội vàng giăng bát sứ, đĩa sứ, quân vị trên tay của Tịnh và nhặt ví giả da ném qua cửa sổ. Công an đã thu giữ toàn bộ số tiền trên chiếu bạc, số tiền trên người Đức A, D, L, C, Đ. Thu giữ toàn bộ công cụ, phương tiện liên quan đến việc đánh bạc cũng như điện thoại di động và xe mô tô của các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Thủy T có lời khai thể hiện: Chị T là vợ hợp pháp của Nguyễn Đức A, hiện nay chị đang làm công nhân tại

Công ty TNHH giày dép Bách Năng thuộc phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, thời gian làm việc từ 07 giờ đến 18 giờ 30 phút hàng ngày. Vào ngày 12/5/2020, khoảng 19 giờ chị đi làm về tới nhà thì thấy lực lượng công an bắt giữ chồng chị và 05 người khác về hành vi đánh bạc. Số tài sản của gia đình chị công an đã thu giữ gồm: 01 chiếc tre, 01 cái kéo, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, chị T cho rằng những tài sản đó đã cũ, hỏng, có giá trị sử dụng không lớn nên chị không có yêu cầu nhận lại.

Những người chứng kiến là ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị T đều có lời khai thể hiện: Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại nhà anh Nguyễn Đức A thuộc thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, ông S và bà T đã được chứng kiến cơ quan Công an bắt quả tang các bị cáo có hành vi đánh bạc và thu giữ, lập biên bản, niêm phong các đồ vật có liên quan giống với lời khai của các bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thị xã Đ lập hồi 15 giờ 45 phút, ngày 12 tháng 5 năm 2020; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền thì bị Công an thị xã Đ phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Thu trong người các bị cáo số tiền 17.870.000đ (mười bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó số tiền dùng vào việc đánh bạc là 15.900.000đ (mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc bị thu giữ là 17.600.000đ (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Bản cáo trạng số 67/CT-VKS - ĐT ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh và lời buộc tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố và luận tội tại phiên tòa là có đủ cơ sở, cần được chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. “Đánh bạc” đã và đang là một tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, làm cho đạo đức xã hội xuống cấp, hạnh phúc gia đình tan vỡ, là nguồn gốc phát sinh nhiều tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

*[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy:* Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn.

- Bị cáo Đồng Văn Đ là người tham gia đánh bạc với số tiền ít nhất nhưng lại là người đã chủ động rủ rê, lôi kéo những người khác tham gia đánh bạc; Bị cáo Nguyễn Đức A là người cung cấp địa điểm, công cụ, phương tiện để đánh bạc, cùng

với Nguyễn Văn T là người trực tiếp cầm xóc cái và cũng tích cực tham gia đánh bạc với những người khác; Bị cáo Nguyễn Văn T là người tích cực tham gia đánh bạc, mang theo số tiền đánh bạc nhiều nhất và đứng ra cho các bị cáo khác vay tiền để đánh bạc, đồng thời cùng với Nguyễn Đức A là người trực tiếp cầm xóc cái để mọi người đánh bạc nên các bị cáo Đồng Văn Đương, Nguyễn Đức A, Nguyễn Văn T đóng vai trò chính và có vị trí ngang nhau trong vụ án.

- Bị cáo Nguyễn Văn T là người tham gia tích cực chuẩn bị công cụ, phương tiện để đánh bạc và sử dụng số tiền đánh bạc nhiều thứ hai sau bị cáo T nên có vai trò sau các bị cáo Đ, Đức A, T.

- Bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C là người sử dụng số tiền đánh bạc nhiều thứ ba sau bị cáo T và bị cáo T nên có vai trò sau các bị cáo Đ, Đức A, T, T.

- Bị cáo Nguyễn Văn D là người sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất nên có vai trò sau cùng.

*[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; riêng bị cáo Nguyễn Đức A có nhân thân xấu, năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện ( nay là thành phố) C, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 10/01/2008. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D đều là những người xuất thân từ tầng lớp nhân dân lao động, chỉ vì thiếu sự tu dưỡng rèn luyện bản thân nên đã phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Nguyễn Đức A có bố đẻ ( ông Nguyễn Quốc V) được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì nên cần xem xét cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Đức A được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự .

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo; xét nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục, cải tạo để các bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình và trở thành công dân có ích.

Ngoài hình phạt chính, cần căn cứ khoản 3 Điều 321 để phạt các bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.



*[5] Về vật chứng của vụ án:*

- 01 (một) chiếc tre; 01 (một) chiếc kéo; 01 (một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ; 04 (bốn) quân bài vị hình tròn là những công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, mặt khác chị Vũ Thị Thủy T là vợ bị cáo Nguyễn Đức A không yêu cầu nhận lại tài sản trên, xét thấy những vật chứng trên đã cũ, hỏng, không còn giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không lớn nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 17.600.000đ (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, đây là những vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S thu của Tịnh; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 thu của Đức A; 01 (một) điện thoại FPT thu của Đ; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 thu của D, đây cũng là những vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) ví giả da; 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức A và số tiền 680.000đ (sáu trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Đức A; số tiền 1.290.000đ (một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) thu giữ của Đồng Văn Đ. Xét thấy những tài liệu, đồ vật trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo Nguyễn Đức A và Đồng Văn Đ.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô Yamaha, biển kiểm soát 14K8 – 3213 thu giữ của Nguyễn Văn L, quá trình điều tra xét thấy cần phải xác minh, làm rõ chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 14Z1 – 256.14 thu giữ của Nguyễn Văn D; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 14H1 – 8667 thu giữ của Nguyễn Văn T; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 14B5 – 008.24, 01 (một) điện thoại di động Samsung thu giữ của Nguyễn Văn C. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 99 ngày 15/7/2020 trả lại cho các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C.

*[6] Về án phí:*

Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đồng Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

4. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

5. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

6. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

7. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( Ngày 27 tháng 9 năm 2020) về tội “Đánh bạc”.

- Giao các bị cáo Nguyễn Văn Tịnh, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*\*Về xử lý vật chứng:* Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, các điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) chiếu tre; 01 ( một) chiếc kéo; 01 ( một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ; 04 ( bốn) quân bài vị hình tròn.

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 17.600.000đ ( mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 ( một) điện thoại di động Iphone 6S; 02( hai) điện thoại di động Iphone 6; 01 (một) điện thoại FPT.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức A: 01 (một) ví giả da; 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức A và số tiền 680.000đ ( sáu trăm tám mươi nghìn

đồng); trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 1.290.000đ ( một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

(Tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 74 ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa Công an thị xã Đ và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ).

*\* Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*\* Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

*\* Về biện pháp ngăn chặn:* Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức A, Đồng Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn D.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND thị xã Đ;
- Viện KSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an thị xã Đ;
- Chi cục THADS Đ;
- **UBND xã V;**
- Lưu H.sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**( đã ký)**

**Tô Thị Thịnh**







**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- Viện KSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS Đông Triều;
- **UBND xã Việt Dân;**
- Lưu H.sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Tô Thị Thịnh**